

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Vẽ kỹ thuật

Mã môn học: MH12

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 15giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: ... giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Vẽ kỹ thuật được bố trí học sau các môn học chung và học trước các môn học, mô đun chuyên môn ngành.

- Tính chất: Là môn học kỹ thuật cơ sở.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các tiêu chuẩn bản vẽ kỹ thuật, phương pháp vẽ các loại hình chiếu, mặt cắt, hình cắt, các quy ước của bản vẽ;

+ Đọc được những bản vẽ cấu tạo các thiết bị, bản vẽ lắp, sơ đồ lắp đặt, bố trí các thiết bị ;

- Về kỹ năng:

+ Tuân thủ đúng quy định, quy phạm về vẽ kỹ thuật;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập

+ Rèn luyện tình nghiêm túc, tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, logic khoa học

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên các chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành Bài tập	Kiểm tra* (LT hoặc TH)
I	Bài mở đầu	2	2		
II	Chương 1. Những tiêu chuẩn trình bày bản vẽ cơ khí 1. Khổ giấy. 2. Khung vẽ và khung tên. 3. Tỉ lệ. 4. Đường nét. 5. Chữ viết trong bản vẽ. 6. Ghi kích thước.	4	2	2	

III	Chương 2. Các dạng bản vẽ cơ khí cơ bản 2.1 Vẽ hình học. 2.2 Hình chiếu vuông góc 2.3 Giao tuyến. 2.4 Hình chiếu trục đo 2.5 Hình cắt, mặt cắt	9	5	4	
IV	Chương 3. Vẽ quy ước các chi tiết và các mối ghép 3.1 Vẽ quy ước các chi tiết cơ khí. 3.2 Vẽ quy ước các mối ghép. 3.3 Dung sai lắp ghép - Độ nhẵn bề mặt.	8	3	5	
V	Chương 4. Bản vẽ chi tiết - Bản vẽ lắp 4.1 Bản vẽ chi tiết. 4.2 Bản vẽ lắp. 4.3 Dự trù vật tư và phương án gia công.	7	3	4	
	Cộng:	30	15	15	

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính bằng giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VẼ KỸ THUẬT

1. Khái quát chung
2. Vật liệu và dụng cụ vẽ kỹ thuật

CHƯƠNG 1: NHỮNG TIÊU CHUẨN TRÌNH BÀY BẢN VẼ CƠ KHÍ

1. Khổ giấy.
2. Khung vẽ và khung tên.
3. Tỷ lệ.
4. Đường nét.
5. Chữ viết trong bản vẽ.
6. Ghi kích thước.

CHƯƠNG 2 : CÁC DẠNG BẢN VẼ CƠ KHÍ CƠ BẢN

- 2.1. Vẽ hình học.
- 2.2. Hình chiếu vuông góc.
- 2.3. Giao tuyến.
- 2.4. Hình chiếu trục đo.
- 2.5. Hình cắt, mặt cắt

CHƯƠNG 3 : VẼ QUY ƯỚC CÁC CHI TIẾT VÀ CÁC MỐI GHÉP

- 3.1. Vẽ quy ước các chi tiết cơ khí.
- 3.2. Vẽ quy ước các mối ghép.
- 3.3. Dung sai lắp ghép - Độ nhẵn bề mặt.

CHƯƠNG 4 : BẢN VẼ CHI TIẾT - BẢN VẼ LẮP

- 4.1. Bản vẽ chi tiết.
- 4.2. Bản vẽ lắp

4.3. Dự trù vật tư và phương án gia công.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Vật liệu:

- + Giấy vẽ các loại.
- + Một số bản vẽ mẫu.

2. Dụng cụ và trang thiết bị:

- + Dụng cụ vẽ các loại.
- + Bàn vẽ kỹ thuật.
- + Một số chi tiết cơ khí.
- + Một số mối ghép cơ khí.
- + Các bản vẽ lắp, bản vẽ chi tiết làm mẫu.

3. Nguồn lực khác:

- + PC, phần mềm chuyên dùng.
- + Projector, overhead.
- + Máy chiếu vật thể ba chiều.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>			
1	- Tham gia trên lớp - Chuẩn bị bài tốt - Tích cực thảo luận...	Quan sát, điểm danh...	
<i>Kỹ năng</i>			
2	Tự nghiên cứu: Trong quá trình tham dự các bài giảng của giảng viên, sinh viên còn phải tự nghiên cứu thêm các kiến thức liên quan: .	Đánh giá qua bài tập.	
<i>Kiến thức</i>			
3	Các nội dung cần kiểm tra là: - Vẽ các đường nét, chữ viết đúng qui ước. - Vẽ hình chiếu, hình cắt một số chi tiết cơ khí đơn giản. - Đọc, phân tích nhận dạng một số chi tiết lắp ráp và phương pháp gia công cơ khí đơn giản.	Vẽ hoặc vấn đáp	
<i>Phương pháp đánh giá</i>			
4	Thực hành:	Vẽ	
5	Thi giữa kỳ (nếu có)	không	
6	Thi kết thúc học phần	Vẽ hoặc vấn đáp	

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số

43/2007/ QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông báo số 698 ngày 26/04/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng được mô tả ở bảng sau (*Tỷ lệ trọng số điểm do Bộ môn quyết định theo hướng tăng tỉ trọng điểm kiểm tra thường xuyên theo thông báo số 698/TB-ĐHQB*):

Nội dung	Chuyên cần, thái độ	Kiểm tra thường xuyên	Thi kết thúc học phần
Trọng số (%)	5 %	40 %	55 %

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Chương trình môn học này được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng nghề

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Trước khi giảng dạy, giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy
- Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học sinh ghi nhớ kỹ hơn.
- Nên bố trí thời gian giải bài tập hợp lý, hướng dẫn và sửa sai tại chỗ cho học sinh

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Qui ước bản vẽ cơ khí, đường nét chữ viết.
- Hình chiếu, hình cắt.
- Qui ước một số mối ghép.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- *Tài liệu chính:*

[1]- Chu Văn Vượng, *Giáo trình Vẽ kỹ thuật*, NXB Sư phạm, 2004

[2]- Trần Hữu Quế- Nguyễn Kim Thành, *Giáo trình Vẽ kỹ thuật*, NXB Sư phạm, 2005

- *Tài liệu tham khảo:*

[3]- Trần Hữu Quế , *Giáo trình Vẽ kỹ thuật T1,2* , NXB Giáo Dục, 2002

[4]- Nguyễn Văn Khánh , *Bài giảng Vẽ Kỹ thuật* , NXB KHTK, 2005

[5]- Lê Thị Hoa, *Bài tập Vẽ Kỹ thuật*, NXB KHKT, 2006

Quảng Bình, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Hoàng Dương Hùng